

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Điều chỉnh, nâng công suất khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”; Quyết định số 1330/GP-UBND ngày 27/5/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3536/TTr-STNMT ngày 12/8/2024 (trên cơ sở đề xuất của Hợp tác xã Đức Quang tại Văn bản số 41/CV-MT ngày 03/6/2024 và hồ sơ kèm theo); ý kiến của Tổ thẩm định tại Văn bản số 2744/STNMT-MT ngày 25/6/2024; Văn bản chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện số 52/CV-Cty ngày 30/7/2024 của Hợp tác xã Đức Quang; thực hiện Thông báo kết luận họp UBND tỉnh số 409/TB-UBND ngày 10/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hợp tác xã Đức Quang (địa chỉ tại Thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: “Khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”;

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số: 3000345786 do phòng Tài chính Kế hoạch - UBND huyện Kỳ Anh cấp lần đầu, ngày 19/07/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 23/6/2021;

1.4. Mã số thuế: 3000345786;

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài có tổng diện tích sử dụng đất 60.367,5 m² nằm trên địa bàn xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, trong đó: khu vực khai thác có diện tích 44.801,5m²; khu vực bãi chế biến có diện tích 11.810m²; khu vực nhà văn phòng có diện tích 3.756m².

- Công suất khai thác 110.000m³ đá nguyên khai/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Hợp tác xã Đức Quang (đơn vị đề xuất), UBND huyện Kỳ Anh (đơn vị phối hợp, kiểm tra, giám sát thực hiện), Tổ thẩm định (theo Quyết định số 152/QĐ-STNMT ngày 11/6/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên và quá trình thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hợp tác xã Đức Quang sau khi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;
2. Có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Kỳ Anh, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá khu vực Khe Lài, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh phụ trách;
- Hợp tác xã Đức Quang;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại mỏ.
- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe.
- Nguồn số 03: nước mưa chảy tràn tại khai trường và khu vực bãi chế biến.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải, nước mưa chảy tràn:

2.1. Dòng nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Nước thải sinh hoạt: nước thải từ khu nhà vệ sinh sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn đặt ngầm dưới công trình được dẫn cùng với nước thải từ quá trình rửa tay chân, nhà ăn vào 03 bể lắng lọc để xử lý kết hợp khử trùng. Sau đó dẫn ra mương thoát nước của khu vực bằng đường ống PVC D110 (dài 24m) và chảy vào hồ Đập Tây.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe: được thu gom dẫn vào bể tách dầu mỡ (03 ngăn) để xử lý trước khi dẫn vào mương thoát nước của khu vực bãi chế biến bằng đường ống PVC D110mm (dài 8m) rồi chảy vào hồ lắng.

- Nước mưa chảy tràn tại khai trường (khu vực mỏ) và khu vực bãi chế biến: được thu gom dẫn về hồ lắng để xử lý, sau đó thoát qua cống BTCT D800 (dài 7,5m) chảy ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải, nước mưa chảy tràn:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận: Hồ Đập Tây thuộc xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Tọa độ vị trí xả nước thải sinh hoạt: X: 2016766; Y: 571982 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Tọa độ vị trí xả nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe, nước mưa chảy tràn: X: 2016769; Y: 572194 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải, nước mưa chảy tràn lớn nhất:

- Nước thải sinh hoạt: $1,92\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tương đương $0,08\text{m}^3/\text{h}$).

- Nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe: $1\text{m}^3/\text{ngày}$ (tương đương $0,042\text{m}^3/\text{h}$).

- Nước mưa chảy tràn tại khai trường và khu vực bãi chế biến: $259,1\text{m}^3/\text{h}$.

2.2.4. Phương thức xả nước thải, nước mưa chảy tràn: tự chảy.

2.2.5. Chế độ xả nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Đối với nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh từ xịt rửa bánh xe: xả gián đoạn theo các thời điểm trong ngày;

- Đối với nước mưa chảy tràn tại khai trường và khu vực bãi chế biến: xả gián đoạn vào thời điểm có mưa.

2.2.6. Chất lượng nước thải, nước mưa chảy tràn trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

2.2.6.1. Nước thải sinh hoạt:

Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2. Chi tiết các thông số ở bảng dưới đây:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	Thang pH	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Photphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	5000

2.2.6.2. Nước thải phát sinh từ xịt rửa bánh xe và nước mưa chảy tràn:

Chất lượng nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe, nước mưa chảy tràn tại khai trường và khu vực bãi chế biến trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K_q = 0,6, K_f = 0,9 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, K _q =0,6, K _f =0,9)
----	--------------------	-----------	--

1	pH	Thang pH	5,5– 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	54
4	COD	mg/l	81
5	Chì (Pb)	mg/l	0,27
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4
7	Tổng Nitơ	mg/l	21,6
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4
10	Sắt (Fe)	mg/l	2,7
11	Mangan	mg/l	0,54
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ NƯỚC MƯA CHẢY TRÀN:

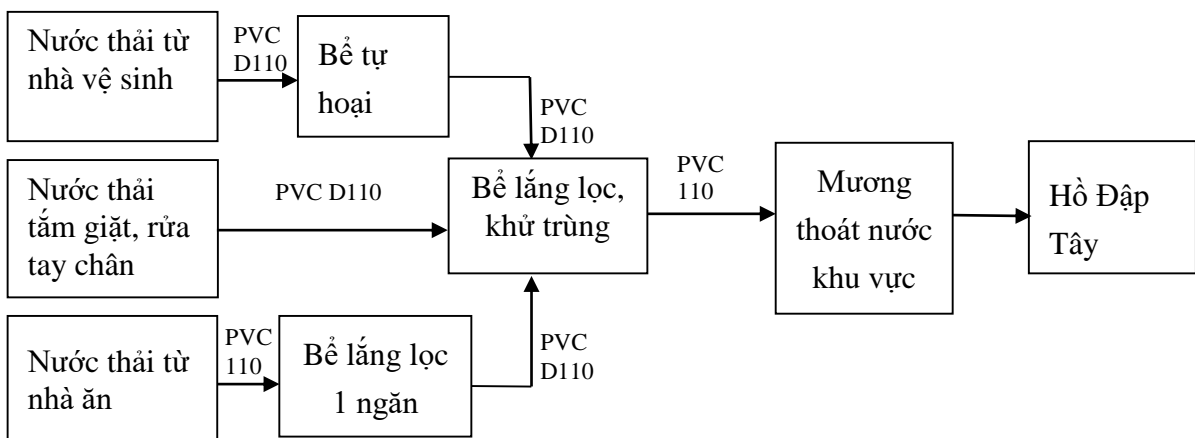
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải, nước mưa chảy tràn từ các nguồn phát sinh về hệ thống xử lý.

1.1.1. Nước thải sinh hoạt:

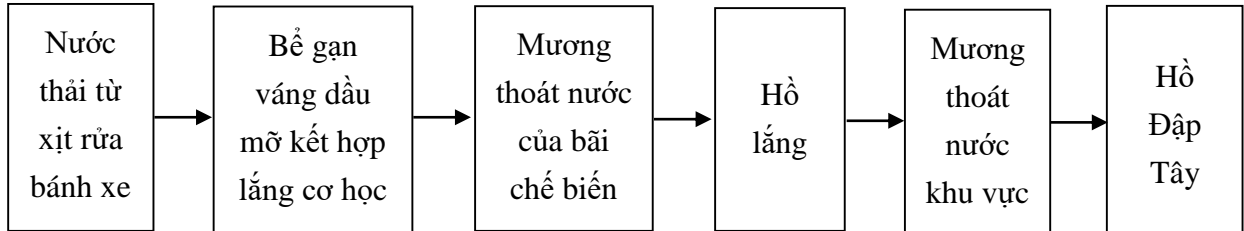
- Nước thải từ quá trình đào thải của cán bộ, công nhân được thu gom vào 02 bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình nhà văn phòng và nhà nghỉ, ăn ca của cán bộ công nhân viên để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Nước thải tại khu vực nhà ăn được thu gom dẫn vào bể lắng lọc 1 ngăn để lắng lọc sơ bộ. Nước thải từ khu vực nhà ăn sau khi qua bể lắng lọc cùng với nước thải từ hoạt động tắm giặt, rửa tay chân và nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào bể lắng lọc (dạng ống bi tròn, vật liệu lắng lọc là cát sỏi, than hoạt tính) kết hợp khử trùng để tiếp tục xử lý. Nước thải sau bể lắng lọc thoát theo ống PVC D110 (dài 24m) chảy vào tuyến mương thoát nước của khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận là hồ Đập Tây.

- Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:



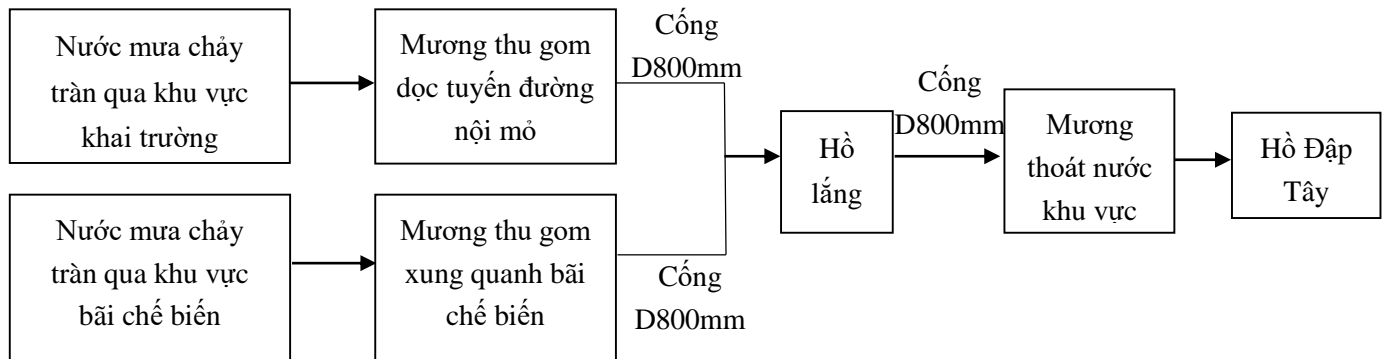
1.1.2. Nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe được thu gom dẫn vào bể tách dầu mỡ (03 ngăn) để xử lý sau đó được dẫn bằng đường ống PVC D110mm (dài 8m) vào mương thoát nước khu vực bãi chế biến, chảy vào hồ lắng, sau đó chảy vào tuyến mương thoát nước của khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận là hồ Đập Tây.
- Sơ đồ thu gom, thoát nước thải phát sinh từ xịt rửa bánh xe:



1.1.3. Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai trường, bãi chế biến:

- Nước mưa chảy tràn khu vực khai trường được thu gom bằng rãnh thoát nước dọc đường giao thông nội mỏ rồi dẫn qua cống BTCT D800mm vào hồ lắng; Nước mưa chảy tràn khu vực bãi chế biến được thu gom bằng tuyến mương đất, sau đó chảy qua cống BTCT D800mm dẫn vào hồ lắng. Nước mưa chảy tràn từ khu vực khai trường và khu vực bãi chế biến sau khi được lắng lọc tại hồ lắng rồi chảy vào qua cống BTCT D800mm dài 7,5m ra mương thoát nước của khu vực và chảy về nguồn tiếp nhận (hồ Đập Tây).
- Sơ đồ thu gom, thoát nước:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- 02 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích mỗi bể 12m^3 , kích thước: $D \times R \times H = 3\text{m} \times 2\text{m} \times 2,0\text{m}$), kết cấu bằng gạch xây, để xử lý nước thải sinh hoạt bằng phương pháp phân hủy kỵ khí.
- 01 bể lắng lọc nước thải khu vực nhà ăn (thể tích $1,8\text{m}^3$, kích thước: $D1,2\text{m} \times 1,5\text{m}$), kết cấu bằng bê tông đúc sẵn, thành dày 120mm, đáy lót bê tông M200#. Dạng ống bi tròn, vật liệu lắng lọc là cát sỏi, than hoạt tính.
- 03 bể lắng lọc kết hợp khử trùng nước thải sinh hoạt (thể tích mỗi bể $1,8\text{m}^3$, kích thước: $D1,2\text{m} \times 1,5\text{m}$), kết cấu bằng bê tông đúc sẵn, thành dày 120mm, đáy lót bê tông M200#. Dạng ống bi tròn, vật liệu lắng lọc là cát sỏi, than hoạt tính.

- Hệ thống đường ống PVC D110 (dài 24m) để dẫn nước thải sinh hoạt sau xử lý ra tuyến mương thoát nước khu vực và chảy về nguồn tiếp nhận.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe:

- Bể lắng 03 ngăn để tách dầu mỡ và lắng lọc cặn, kết cấu bằng bê tông, dạng ống tròn, thành dày 120mm, đáy lót bê tông M200#. Kích thước mỗi ngăn là $D \times H = 1,45 \times 1,7 \text{m} = 2,465 \text{m}^3$.

- Hệ thống đường ống PVC D110 (dài 8m) dẫn nước thải từ bể tách dầu mỡ ra mương thoát nước khu vực bãi chế biến.

1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực khai trường, khu vực bãi chế biến

- 01 hồ lắng kết cấu bằng đất, kích thước: $D \times R \times H = 30 \times 25 \times 2,5 \text{m} = 1.875 \text{m}^3$.

- Hệ thống mương thu gom:

+ Mương thu gom nước mưa chảy tràn khu vực khai trường dài 287m; kích thước rộng mặt 1,0m, rộng đáy 0,5m, sâu 0,5m.

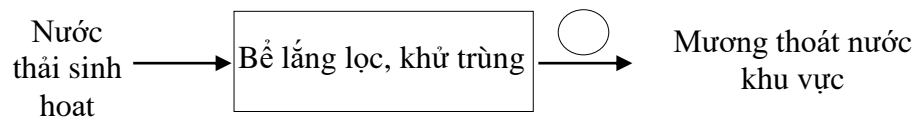
+ Mương thu gom nước mưa chảy tràn khu vực bãi chế biến dài 162m, trong đó: tuyến mương đoạn đầu bãi chế biến có chiều dài 150m, kích thước rộng mặt 1,0m, rộng đáy 0,5m, sâu 0,5m; tuyến mương đoạn cuối đầu nối vào hồ lắng dài 12m, kích thước rộng mặt 2,5m, rộng đáy 1,0m, sâu 1,0m.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến từ ngày 15/09/2024 đến ngày 15/12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (nước thải sinh hoạt):



(1) Nước thải cuối đường ống PVC D110 (sau bể lắng lọc, khử trùng) trước khi chảy vào mương thoát nước của khu vực. Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m): 2016766; Y(m): 571982 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (dự kiến trong tháng 10/2024) của giai đoạn vận hành ổn định Hệ thống xử lý nước thải (lấy 01 mẫu đầu ra/ngày).

2.2.3. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.2.6.1 Phần A phụ lục này.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe) và nước mưa chảy tràn phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

Phụ lục 02

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI MÙI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Bụi từ công tác bóc đất tầng phủ.
- Bụi từ công tác khoan nổ mìn.
- Bụi, khí thải từ hoạt động khai thác, nghiền sàng, bốc xúc tập kết, bán sản phẩm và từ phương tiện giao thông ra vào vận chuyển sản phẩm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:

Đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không thể xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả bụi, khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải:

- Bóc đất tầng phủ theo phương pháp cuốn chiếu, khai thác đến đâu bóc tầng phủ đến đó.
- Sử dụng máy, thiết bị khoan có hệ thống thu bụi; áp dụng phương pháp nổ vi sai; bố trí lỗ khoan và lượng thuốc nổ theo đúng thiết kế được duyệt.
- Xây dựng và áp dụng nghiêm túc nội quy an toàn nổ mìn; thời điểm kích nổ tránh lúc gió to.
- Lắp đặt 02 hệ thống phun ẩm ở khu vực trạm nghiền sàng, có các đầu phun sương.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và yêu cầu công nhân sử dụng bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.
- Bố trí xe ô tô tạt phun nước (dung tích tạt 5m³) để phun ẩm, giảm bụi tại khu vực bãi chế biến, các tuyến đường nội mỏ và đường giao thông ra vào khu vực mỏ; tần suất phun ẩm tối thiểu 02-04 lần/ngày (những ngày nắng nóng).
- Xe vận tải chở đất đá phải lót sàn xe, thùng xe phủ bạt, chở đúng trọng tải quy định; định kỳ bảo dưỡng theo quy định.
- Thường xuyên cải tạo, nâng cấp những chỗ hư hỏng tuyến đường giao thông nội mỏ và đường từ mỏ ra tuyến đường ven biển.
- Tăng cường trồng, chăm sóc hệ thống cây xanh xung quanh khu vực sân bãi chế biến, nhà điều hành, nhà nghỉ công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại dự án theo yêu cầu tại mục 1 Phần B Phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu hoạt động khai thác, chế biến đá làm phát sinh bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh dự án.

2.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng

phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động làm phát tán bụi, khí thải gây ra./.

Phụ lục 03

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Tiếng ồn phát sinh trong hoạt động nổ mìn khai thác và hoạt động chế biến đá (xay, nghiền sàng, băng tải, vận chuyển nội mỏ,...), máy bơm nước, phương tiện bốc xúc, xe vận chuyển ra vào khu vực mỏ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

Tại vị trí nổ mìn khai thác đá, vị trí đặt máy nghiền sàng, dọc các tuyến đường giao thông nội mỏ...

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc	Ghi chú
1	85	85	Tối thiểu 01 lần/năm	Vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp
2	65	65	Tối thiểu 01 lần/năm	Khu vực văn phòng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thực hiện nổ mìn đúng kỹ thuật quy định; lựa chọn thời điểm nổ mìn phù hợp.
- Các thiết bị phục vụ chế biến được lắp trên đế móng bê tông cốt thép đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Thường xuyên kiểm tra máy móc, phương tiện để vận chặt ốc, chống rơ, chống rung các máy móc sinh ra độ rung lớn.
- Đối với người lao động phải được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động để giảm tiếng ồn như nút bịt tai, mũ áo bảo hộ...
- Trồng và chăm sóc thường xuyên hệ thống cây xanh xung quanh mỏ đặc biệt là khu vực bãi chế biến và nhà làm việc, nhà nghỉ công nhân.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	18 02 01	3,5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	16 01 06	01
3	Dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải	NH	17 02 03	12
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 03	5,5
5	Pin, ắc quy thải	NH	16 01 12	03
	Tổng			25

1.2. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: bao bì nilon, giấy loại, hộp nhựa, chai lọ thủy tinh, vỏ lon bia, rau củ quả hỏng, thức ăn dư thừa... với khối lượng khoảng 12kg/ngày.

1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ bể tự hoại: khối lượng khoảng 1,84m³/năm;
- Bùn thải từ nạo vét hệ thống mương thoát nước, hồ lắng: khối lượng khoảng 10m³/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 04 thùng nhựa đựng CTNH, CNCNPKS (dung tích khoảng 100lít/thùng) có nắp đậy, dán nhãn, phân loại chất thải đặt trong nhà chứa chất thải.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS: diện tích 20m², kết cấu vách được gia cố bằng tường xây, nền bằng bê tông M250#, có mái che, mặt sàn bằng bê tông đảm bảo không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đồng thời bố trí các dụng cụ, thiết bị PCCC tại kho lưu giữ.

2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Chủ dự án chịu trách nhiệm thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải rắn thông thường:

- Bùn thải từ bể tự hoại, hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, nạo vét, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bùn từ nạo vét hệ thống mương thoát nước, hồ lắng được sử dụng trồng cây xanh trong khu vực dự án.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt ở những điểm thuận tiện để thu gom, phân loại và lưu chứa tại các thùng đựng riêng biệt, cụ thể: mỗi điểm có 03 thùng (thể tích khoảng 30 lít/thùng) đặt tại khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn, nhà nghỉ của công nhân; bố trí 03 thùng (thể tích khoảng 60 lít/thùng) để tập kết lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt toàn bộ của dự án.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt bố trí cạnh nhà nghỉ ăn ca công nhân: có diện tích 10m², mái che lợp tôn, nền bằng bê tông M250#.

2.3.3. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại lon đựng nước giải khát,...) được thu gom vào thùng riêng, định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm hỏng và chất thải rắn còn lại được phân loại, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố trượt lở

- Khai thác theo đúng thiết kế được thẩm định phê duyệt, thực hiện đúng trình tự khai thác theo các thông số của hệ thống khai thác.

- Không thực hiện khai thác vào các ngày mưa hoặc vừa có mưa lớn xảy ra.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, quan sát độ ổn định của bờ moong khai thác và phát hiện các tảng đá có nguy cơ lăn trên bề mặt. Nếu có đá lăn cần phải gỡ bỏ hết.

- Khai thác đến đâu thực hiện gia cố bờ moong, cạy gỡ đá treo đến đó.
- Đo vẽ định kỳ hàng năm địa hình khu vực khai trường, trong đó bao gồm các nội dung trắc địa bờ mỏ, tầng khai thác, taluy.
- Giữ lại cây xanh trên các khu vực chưa khai thác nhằm tăng khả năng giữ đất, hạn chế xói mòn, trôi trượt đất đá.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Bố trí các bình chữa cháy tại các vị trí thuận lợi của khu vực nhà kho, nhà văn phòng, nhà bếp.
- Lắp đặt máy bơm, vòi dự phòng, các biển báo, nội quy tại các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố.
- Lập bảng nội quy cảnh báo cấm lửa khu vực tiếp giáp với rừng.
- Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn an toàn phòng chống cháy, nổ,... theo hồ sơ thẩm duyệt của cơ quan quản lý chuyên ngành và theo quy định của pháp luật.

3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố bão lũ:

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão để có phương án đối phó kịp thời.
- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa hệ thống khai thác, đường vận chuyển, chằng chống nhà cửa khu nhà văn phòng, nhà kho,....
- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của khu mỏ; đồng thời phối hợp với lực lượng cứu hộ, phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.
- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước để đảm bảo được khả năng tiêu thoát nước tốt nhất.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:

Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

Phụ lục 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Trên cơ sở Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường của dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 13/10/2023, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung cơ bản sau:

1. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

- Đối với khu vực khai trường: Củng cố bờ moong khai thác; xây dựng lấp đất biển báo, hàng rào xung quanh bờ moong; xây dựng hệ thống thoát nước ở đáy moong, phủ lớp đất màu 0,3m và trồng cây keo lá tràm mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm 3 năm.

- Đối với khu vực văn phòng, sân bãi chế biến: Tháo dỡ các thiết bị, công trình đã xây dựng trong quá trình thực hiện dự án, tiến hành san gạt, cày xới để trồng cây keo lá tràm với mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm 3 năm.

- Đối với hồ lắng, bãi thải: san lấp hồ lắng, tạo mặt bằng khu vực bãi thải để trồng cây keo lá tràm với mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm 3 năm.

- Đối với khu vực ngoài phạm vi mỏ: Cải tạo tuyến đường vào mỏ, trồng cây hai bên đường và thực hiện các hạng mục cải tạo khác có liên quan.

2. Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): 1.709.504.000 đồng (một tỷ bảy trăm linh chín triệu năm trăm linh tư nghìn đồng), trong đó:

+ Số tiền đã ký quỹ đến ngày 21 tháng 3 năm 2024 (theo báo cáo, chứng từ nộp tiền ký quỹ hàng năm của đơn vị) là 809.381.000 đồng (tám trăm linh chín triệu ba trăm tám một nghìn đồng);

+ Số tiền còn lại phải ký quỹ là 900.123.000 đồng (chín trăm triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Số lần còn lại phải ký quỹ: 12 lần (theo Quyết định số 1330/GP-UBND ngày 27/5/2024 về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản).

- Thời gian ký quỹ: mỗi năm 01 lần; thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ. Số tiền ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường mỗi năm: 75.011.000 đồng (bảy mươi lăm triệu không trăm mười một nghìn đồng).

Số tiền ký quỹ trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Chủ dự án khi kê khai nộp tiền ký quỹ phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án (nâng công suất). Chỉ số giá tiêu dùng

hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng Cục Thống kê cho tỉnh Hà Tĩnh hoặc của cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh. Số tài khoản 132704070077777 tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hà Tĩnh.

3. Thời gian, tiến độ thực hiện

Hoạt động	Thời gian bắt đầu thực hiện	Tiến độ thực hiện	Cơ quan kiểm tra	Cơ quan thực hiện
<i>Cải tạo moong khai thác</i>				
Củng cố bờ moong khai thác	Trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác	1,5 tháng	Sở TNMT, UBND huyện Kỳ Anh, UBND xã Kỳ Xuân và cơ quan chức năng có liên quan.	Chủ dự án
Xây dựng hàng rào, biển báo quanh bờ moong khu vực khai thác	Sau khi củng cố bờ moong	1,5 tháng		
San gạt moong khai thác	Sau khi xây dựng hàng rào, biển báo	1 tháng		
Tạo hệ thống thoát nước đáy mỏ	Sau khi san gạt moong khai thác	1 tháng		
Di dời máy móc, thiết bị ra khỏi moong khai thác	Sau khi san gạt moong và tạo hệ thống thoát nước đáy moong	0,5 tháng		
Đổ đất, san gạt, trồng cây	Sau khi di dời máy móc, thiết bị ra khỏi moong	1 tháng		
Chăm sóc cây, trồng dặm cây chết	Sau khi đổ đất, san gạt	3 năm		
<i>Cải tạo sân bãi chế biến và công trình phụ trợ + Hồ lắng và bãi thải</i>				
Tháo dỡ máy móc, thiết bị; phá bỏ công trình trên sân bãi chế biến	Ngay khi kết thúc khai thác mỏ.	1 tháng	Sở TNMT, UBND huyện Kỳ Anh, UBND xã Kỳ Xuân và cơ quan chức năng có liên quan.	Chủ dự án
San gạt mặt bằng sân bãi chế biến	Sau khi tháo dỡ máy móc, thiết bị, công trình	0,5 tháng		
Phá dỡ khu nhà làm việc, nhà ăn, san gạt tạo mặt bằng	Sau khi san gạt mặt bằng sân bãi chế biến	0,5 tháng		

Hoạt động	Thời gian bắt đầu thực hiện	Tiến độ thực hiện	Cơ quan kiểm tra	Cơ quan thực hiện
San lấp hồ lắng, tạo mặt bằng khu vực bãi thải	Sau khi san gạt mặt bằng sân bãi chế biến	0,3 tháng		
Đổ đất, trồng cây ở sân công nghiệp, khu nhà làm việc, nhà ăn	Sau khi san gạt mặt bằng	1 tháng		
Chăm sóc cây, trồng dặm cây chết	Sau khi đổ đất, trồng cây	3 năm		
<i>Cải tạo công trình ngoài phạm vi mỏ</i>				
Cải tạo tuyến đường vào mỏ, trồng cây hai bên đường;	Sau khi kết thúc đổ đất trồng cây khu vực sân bãi chế biến	2 tháng	Sở TNMT, UBND huyện Kỳ Anh, UBND xã Kỳ Xuân và cơ quan chức năng có liên quan.	Chủ dự án

Sau khi đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường, Chủ dự án lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các nội dung liên quan đến đóng cửa mỏ theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan./.